

PHỤ BIỂU
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGUỒN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

DVT: Triệu đồng

| STT | Các phòng ban, đơn vị, UBND các xã | Tổng | Trong đó | | Nội dung thực hiện | | | | | | | | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|--------------|----------------------|-----------------|--|--|---|---|---|--|--|---|--|
| | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách huyện | Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch (lĩnh vực các hoạt động kinh tế: 280) | Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đồng bộ hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền (lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin (190) và lĩnh vực bảo vệ môi | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn (Lĩnh vực các hoạt động kinh tế: 280) | Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn (lĩnh vực văn hoá thông tin: 160) | Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (lĩnh vực bảo vệ môi trường: 250) | Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng nông thôn mới (lĩnh vực quản lý nhà nước: 340) | Giữ vững Quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội: 040) | Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM mới (Lĩnh vực quản lý nhà nước: 340) | |
| | Tổng cộng | 7.700 | 3.850 | 3.850 | 200 | 650 | 50 | 3.190 | 2.600 | 100 | 810 | 100 | |
| I | Các phòng, ban huyện | 1.880 | 940 | 940 | - | 300 | 50 | 490 | 400 | 100 | 500 | 40 | |
| 1 | Phòng VH TT | 490 | 245 | 245 | | | | 490 | | | | | |
| 2 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | 400 | 200 | 200 | | | | | 400 | | | | |
| 3 | Phòng Nông nghiệp và PTNT | 40 | 20 | 20 | | | | | | | | 40 | |
| 4 | Trung tâm VH TT & TT | 300 | 150 | 150 | | 300 | | | | | | | Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin: 190 |
| 5 | Công an huyện | 500 | 250 | 250 | | | | | | | 500 | | |
| 6 | Hội LHPN huyện | 50 | 25 | 25 | | | | | | 50 | | | |
| 7 | UBMTTQ huyện | 50 | 25 | 25 | | | | | | 50 | | | |
| 8 | Trung tâm dịch vụ kỹ thuật NN | 50 | 25 | 25 | | | 50 | | | | | | |
| II | Các xã | 5.820 | 2.910 | 2.910 | 200 | 350 | - | 2.700 | 2.200 | 0 | 310 | 60 | |
| 1 | UBND xã Đắc Sôr | 490 | 245 | 245 | | | | 200 | 200 | | 90 | | |
| 2 | UBND xã Nam Xuân | 530 | 265 | 265 | | | | 300 | 200 | | | 30 | |

| STT | Các phòng ban, đơn vị, UBND các xã | Tổng | Trong đó | | Nội dung thực hiện | | | | | | | | |
|-----|------------------------------------|-------|----------------------|-----------------|--|--|---|---|---|--|--|---|--|
| | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách huyện | Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch (lĩnh vực các hoạt động kinh tế: 280) | Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đồng bộ hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền (lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin (190) và lĩnh vực bảo vệ môi | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn (Lĩnh vực các hoạt động kinh tế: 280) | Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn (lĩnh vực văn hoá thông tin: 160) | Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn (lĩnh vực bảo vệ môi trường: 250) | Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng nông thôn mới (lĩnh vực quản lý nhà nước: 340) | Giữ vững Quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội: 040) | Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM mới (Lĩnh vực quản lý nhà nước: 340) | Ghi chú |
| 3 | UBND xã Nam Đà | 1.270 | 635 | 635 | 200 | 350 | | 400 | 200 | | 120 | | Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đồng bộ hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền (Lĩnh vực bảo vệ môi trường: |
| 4 | UBND xã Tân Thành | 400 | 200 | 200 | | | | 200 | 200 | | | | |
| 5 | UBND xã Buôn Chơáh | 400 | 200 | 200 | | | | 200 | 200 | | | | |
| 6 | UBND xã Đắk Drô | 550 | 275 | 275 | | | | 300 | 200 | | 50 | | |
| 7 | UBND xã Năm N'Đir | 530 | 265 | 265 | | | | 300 | 200 | | | 30 | |
| 8 | UBND xã Năm Nung | 450 | 225 | 225 | | | | 200 | 200 | | 50 | | |
| 9 | UBND xã Đức Xuyên | 400 | 200 | 200 | | | | 200 | 200 | | | | |
| 10 | UBND xã Đắk Nang | 400 | 200 | 200 | | | | 200 | 200 | | | | |
| 11 | UBND xã Quảng Phú | 400 | 200 | 200 | | | | 200 | 200 | | | | |